

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **24** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 5 – 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Tài
2. Ông Bùi Văn Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Long Bình, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của chị Nguyễn Thị L:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quốc T tự nguyện chung sống năm 2007 và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và anh T nhiều lần đánh đập chị L. Nay vợ chồng đã không còn tình cảm nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Quốc T1, sinh ngày 08/12/2007; Trần Quốc B, sinh ngày 10/5/2015, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con Trần Quốc B, đồng ý giao con Trần Quốc T1 cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trình bày và ý kiến của anh Trần Quốc T:

Anh T và chị L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống đến năm 2015, khi sinh con thứ hai, thì bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống có nhiều áp lực, vợ chồng không hiểu được suy nghĩ của nhau. Anh T nhiều lần cố gắng làm lành, hóa giải mâu thuẫn nhưng không được nên anh T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và đồng ý ly hôn.

Đối với 02 con chung là Trần Quốc T1, sinh ngày 08/12/2007; Trần Quốc B, sinh ngày 10/5/2015, khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong thời gian chung sống chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, chị L nộp đơn xin ly hôn và anh T đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L ly hôn với anh T. Anh T và chị L có tranh chấp 02 con chung, tuy nhiên xét nguyện vọng của cháu T1 muốn ở với cha, điều này phù hợp với yêu cầu của chị L nên đề nghị giao cho anh T nuôi cháu T1, chị L nuôi cháu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Trần Quốc T có nơi cư trú tại xã Q, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh Trần Quốc T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị L yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và anh T nhiều lần đánh đập chị L, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay không còn chung sống cùng nhau. Quá trình làm việc anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do không hiểu nhau và do áp lực cuộc sống nên anh T đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 08/12/2007; Trần Quốc B, sinh ngày 10/5/2015; còn chị L yêu cầu được nuôi cháu B, giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng. Tại biên bản làm việc ngày 27/3/2019 thì cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T. Xét nguyện vọng của con chung và để đảm bảo tốt nhất việc chăm sóc, nuôi dưỡng con, Hội đồng xét xử thống nhất giao con Trần Quốc T1 cho anh Trần Quốc T nuôi dưỡng, giao con Trần Quốc B cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

Do không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[6]: Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 21/02/2008 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc T1, sinh ngày 08/12/2007 cho anh Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Quốc B, sinh ngày 10/5/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005166 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện H
 - Các đương sự
 - Nơi ĐKKH
 - CCTHADS huyện H
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy